

Bà L thống nhất với ông V về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn.

Theo bà L trong quá trình chung sống với ông V cũng có bất đồng ý kiến, một phần bà có ghen tuông nhưng vợ chồng vẫn có thể hòa giải. Lý do chính ông V xin ly hôn do ông V đã có người phụ nữ khác và sống ly thân với bà khoảng hơn một năm nay. Bà xác định vẫn còn tình cảm với ông V, muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, mặt khác vì bà là người theo đạo nên không đồng ý việc ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung Phạm Kim A, sinh ngày 10/11/1990 – đã thành niên và Phạm Đức T, sinh ngày 31/3/2000. Về con chung bà đồng ý để ông V trực tiếp nuôi con chung Đức T và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà L khai không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông V và bà L thống nhất ý kiến về con chung, về tài sản chung và nợ chung nhưng các đương sự không thỏa thuận được về quan hệ hôn nhân, cụ thể ông V yêu cầu ly hôn, bà L không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa: Ông V vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà L. Bà L không đồng ý ly hôn. Cả hai thống nhất: về con chung có 02 con là Phạm Kim A, sinh ngày 10/11/1990 – đã thành niên và Phạm Đức T, sinh ngày 31/3/2000. Giao ông V trực tiếp nuôi con chung Đức T và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Nguyễn Thành V có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Kim L, địa chỉ: Đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01/1990 ngày 21/09/1990 do Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành V và bà Nguyễn Kim L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải giữa ông V và bà L cùng thống nhất về con chung có 02 con là Phạm Kim A, sinh ngày 10/11/1990 – đã thành niên và Phạm Đức T, sinh ngày 31/3/2000. Cả hai thỏa thuận giao ông V trực tiếp nuôi con chung Đức T là phù hợp với nguyện vọng của con và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Về nợ chung: không có. Do đó áp dụng các Điều 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Xét đề nghị của đương sự như sau: Ông Nguyễn Thành V yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Kim L. Nhận thấy: Ông V và bà L kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và hiện tại thì ông bà

đã sống ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay. Theo ông V cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài nên dẫn đến thời gian ly thân đã lâu và ông V kiên quyết xin ly hôn vì không thể tiếp tục chung sống. Phía bà L không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm với ông V và một phần vì lý do tôn giáo nhưng bà L cũng không có biện pháp gì để vợ chồng hòa giải trở về chung sống cùng nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông V và bà L kéo dài trầm trọng từ khoảng thời gian ly thân là tháng 4/2016 đến hôm nay vẫn không giải quyết được, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu của ông V xin ly hôn với bà L.

[4] Về án phí: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Phạm Thành V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do ông V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007028 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Khoản 1, các Điều 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Hội đồng xét xử Quyết định:

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Thành V được ly hôn bà Nguyễn Kim L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Về con chung: Ông Phạm Thành V và bà Nguyễn Kim L có 02 con chung là Phạm Kim A, sinh ngày 10/11/1990, đã thành niên và Phạm Đức T, sinh ngày 31/3/2000. Giao ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Phạm Đức T. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà L do ông V không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông V và bà L tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Ông V và bà L khai không có.

3. Về án phí: ông Phạm Thành V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do ông V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007028 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

4. Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Bùi Thụy Hồng Châu